

Bản án số: 102 /2017/HSPT

Ngày: 27-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Quang Dũng.

2. Ông Bạch Đăng Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2017/HSPT ngày 05/5/2017 đối với bị cáo Trần Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo kháng cáo:**

Họ và tên: Trần Văn N; tên gọi khác: không có; sinh năm 1971 tại phường C, thị xã T; Nơi ĐKKHKT: khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở: phòng 12**, tầng 1*, tòa nhà CT 9A, khu Đô Thị V, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội; số Chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn S - Sinh năm 1945 và bà Trần Thị T - Sinh năm 1946; có vợ Phạm Thị B - Sinh năm 1971 (đã ly hôn năm 2013) và có 3 con; tiền sự: không; tiền án: không; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N:** Ông Nguyễn Duy D và ông Nguyễn Ngọc H là Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Đ - Đoàn Luật sư Hà Nội.

Địa chỉ: Tầng 2, Tháp A, Tòa nhà S, số 8*, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

(Luật sư D có mặt, luật sư H vắng mặt).

** Các bị cáo không có kháng cáo:*

1. Họ và tên: Mai Thế H - Sinh năm 1970.
- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt)
2. Họ và tên: Đào Gia M - Sinh năm 1986.
- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt)
- * Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
 1. Anh Trần Hoàng H- sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Trú tại: thôn S 2, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
 2. Ông Trần Mạnh H- sinh năm 1950 (Vắng mặt).
Trú tại: khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.
 3. Bà Đào Thị T- sinh năm 1952 (Vắng mặt).
Trú tại: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
 4. Anh Hoàng Phi Đ- sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Trú tại: ở thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
 5. Ông Phạm Văn L- sinh năm 1957 (Vắng mặt).
Trú tại: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
 6. Bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1951 (Vắng mặt).
Trú tại: thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
 7. Ông Giáp Văn M - sinh năm 1957 (Vắng mặt).
Trú tại: thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
 8. Anh Nguyễn Vạn T- sinh năm 1968 (Vắng mặt).
Trú tại: Số 3, đường Đ, phường M, quận N, thành Phố Hải Phòng.
 9. Ông Trần Anh D- sinh năm 1958 (Vắng mặt).
Trú tại: khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.
 10. Anh Trần Mạnh M -sinh năm 1974 (Vắng mặt).
Trú tại: khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 01/KSĐT ngày 06/01/2017 của VKSND huyện T và bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 30/3/2017 của TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Trong quá trình điều tra mở rộng vụ án “Đưa hối lộ, nhận hối lộ, làm môi giới hối lộ, buôn lậu” xảy ra trên địa bàn tỉnh Y, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y đã tiến hành điều tra xác định được: Trong năm 2012, Trần Văn N- sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: khu Đô thị V, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội đã có hành vi nhập hộ khẩu thường trú không đúng quy định cho nhiều Việt kiều Mỹ vào địa bàn địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra, Trần Văn N còn cùng với Mai Thế H- sinh năm 1970, trú tại thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nguyên Trưởng Công an xã Q, huyện T) và Đào Gia M- sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã Q, huyện T (nguyên Phó

Trưởng Công an xã Q) nhập hộ khẩu thường trú không đúng quy định cho 07 Việt kiều Mỹ vào địa bàn xã Q, huyện T để hoàn thiện hồ sơ nhập khẩu xe ô tô vào Việt Nam. Quá trình điều tra, Mai Thế H tự nguyện nộp số tiền 14.000.000 đồng và Đào Gia M tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng (là số tiền thu lời bất chính) cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Y.

Xét thấy hành vi nhập hộ khẩu thường trú không đúng quy định cho nhiều Việt kiều Mỹ vào địa bàn địa bàn tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang của Trần Văn N cùng đồng phạm không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Y nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Y đã chuyển hồ sơ tài liệu và vật chứng có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh. Ngày 08/4/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu và vật chứng có liên quan đến hành vi nhập hộ khẩu thường trú không đúng quy định cho Việt kiều Mỹ vào địa bàn địa bàn xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang của Trần Văn N cùng đồng phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang để điều tra theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã tiến hành điều tra và xác định được như sau:

Lợi dụng chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài hồi hương đã hoàn tất thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam được nhập khẩu 01 chiếc xe ô tô đang sử dụng vào Việt Nam để làm phương tiện đi lại. Trong năm 2012, Trần Mạnh C- sinh năm 1970, trú tại Khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đặt vấn đề với Trần Văn N, nhờ N tìm xem có mối quan hệ quen biết nào thì làm thủ tục nhập hộ khẩu thường trú tại Việt Nam cho các Việt kiều Mỹ (là bạn của C). C nói với N là mọi thông tin, giấy tờ của các Việt kiều sẽ do Lê Minh H- sinh năm 1975, trú tại P81, C6, khu tập thể K, quận Đ, thành phố Hà Nội cung cấp, N đồng ý.

Do có mối quen biết với Mai Thế H và biết H đang là Trưởng Công an xã Q, huyện T nên N đã liên hệ trực tiếp với H, nhờ H nhập hộ khẩu thường trú trái phép cho Việt kiều Mỹ không phải là người có hộ khẩu gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, không có chỗ ở, không sinh sống và làm việc tại tỉnh Bắc Giang, không trực tiếp đến Công an xã Q, huyện T để làm thủ tục nhập hộ khẩu vào địa bàn xã Q, H đồng ý. Sau khi nhận được hồ sơ của các Việt kiều Mỹ, N và H cùng với Đào Gia M (Phó Trưởng Công an xã Q đã 03 lần làm thủ tục nhập khẩu thường trú không đúng quy định nhập khẩu cho 7 Việt kiều Mỹ vào 07 sổ hộ khẩu của 07 hộ gia đình trên địa bàn xã Q, huyện T nhằm mục đích hợp thức hóa thủ tục nhập khẩu xe ô tô từ nước ngoài vào Việt Nam để trốn thuế nhập khẩu, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào một ngày trong năm 2012, Lê Minh H liên lạc và đến nhà Trần Văn N. Tại nhà N, H đưa cho N 01 bộ hồ sơ của Việt kiều mang tên Phan Thị Trúc V- sinh năm 1964, quê gốc ở 10/14 Lý Thường Kiệt, phường *, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, là Việt kiều Mỹ hồi hương để N làm thủ tục nhập khẩu.

Vào buổi chiều một ngày trong tháng 6 năm 2012, N đến nhà anh Trần Hoàng H- sinh năm 1972 ở thôn S 2, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (H là cậu họ của N), nhờ anh H cho N nhập khẩu Việt kiều Phan Thị Trúc V vào sổ hộ khẩu của gia đình anh H, mọi thủ tục N sẽ đi làm, anh H đồng ý nên anh H đã lấy Sổ hộ khẩu của gia đình mình đưa cho N, N cầm Sổ hộ khẩu anh H đưa cho rồi đi về. Khoảng 08 giờ sáng ngày hôm sau, N đến trụ sở Công an xã Q, huyện T gặp Mai Thế H. Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, N đặt vấn đề với H nhờ H nhập hộ khẩu thường trú cho Việt kiều Phan Thị Trúc V vào sổ hộ khẩu của gia đình anh Trần Hoàng H, đồng thời N đưa cho H 01 bộ hồ sơ (gồm: bản photo Hộ chiếu có đóng dấu nhập cảnh về Việt Nam mang tên Phan Thị Trúc V; giấy xác nhận hộ khẩu gốc đối với Phan Thị Trúc V) và Sổ hộ khẩu của gia đình anh H. Sau khi xem hồ sơ và sổ hộ khẩu do N đưa cho, H đồng ý làm thủ tục nhập khẩu cho Việt kiều Phan Thị Trúc V vào sổ hộ khẩu của gia đình anh H. N gọi điện thoại cho anh H ra Ủy ban nhân dân xã Q để ký vào các giấy tờ làm thủ tục nhập khẩu. Khoảng 30 phút sau, anh H đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q gặp N và H, H đưa cho N tờ Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu và Bản khai nhân khẩu mẫu bảo N và anh H ghi thông tin vào những phần còn bỏ trống. N cầm tờ Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu và Bản khai nhân khẩu ra ngoài cửa phòng ghi các thông tin của Phan Thị Trúc V và Trần Hoàng H vào những phần còn bỏ trống rồi ký tên V vào phần “Người viết phiếu báo”, sau đó N đưa cho anh H ký tên vào phần “Ý kiến của chủ hộ”. Sau khi ký tên vào phần “Ý kiến của chủ hộ”, anh H đưa lại cho N rồi đi về. N đưa Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu và Bản khai nhân khẩu cho H, H ghi tên Phan Thị Trúc V quan hệ với chủ hộ là “chị” vào trong sổ hộ khẩu của gia đình anh H và ghi ngày 04/6/2012. Sau khi H ghi xong thông tin của Phan Thị Trúc V vào sổ hộ khẩu của gia đình anh H thì H đưa quyển sổ hộ khẩu này cho Đào Gia M, bảo M ký xác nhận ở mục “Trưởng Công an xã”. Mặc dù biết rõ Việt kiều Phan Thị Trúc V không có chỗ ở tại địa phương và không trực tiếp đến làm thủ tục nhập khẩu nhưng M vẫn cầm sổ hộ khẩu của gia đình anh H rồi ký tên “M” dưới mục “Trưởng Công an xã”, đóng dấu tròn của Công an xã Q và dấu chức danh của M dưới mục “Trưởng Công an xã”, sau đó đưa Sổ hộ khẩu của gia đình anh H lại cho H. Sau khi làm thủ tục nhập khẩu thường trú cho Phan Thị Trúc V xong, H và M không ghi thông tin của Phan Thị Trúc V vào “Sổ đăng ký thường trú” lưu tại Công an xã Q mà H đưa Sổ hộ khẩu của gia đình anh H lại cho N. N cầm quyển Sổ hộ khẩu của gia đình anh H và xin H tờ mẫu Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu và Bản khai nhân khẩu với mục đích để mang về viết sẵn các thông tin của Việt kiều vào đó, sau đó N ra về. Sáng hôm sau, N gọi điện thoại cho Lê Minh H đến nhà N lấy sổ hộ khẩu của gia đình anh H.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 2 đến 3 ngày, N đang đi chơi cùng với ông Trần Mạnh H- sinh năm 1950, trú tại khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh thì Lê Minh H gọi điện thoại cho N, hẹn N ra quán cà phê ở thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để H đưa hồ sơ của các Việt kiều cho N làm thủ tục nhập khẩu. Nghe điện thoại của

H xong, N nói với ông H: “Thằng H nó gọi điện thoại hẹn ra quán cà phê lấy hồ sơ của các Việt kiều để nhập khẩu”. Sau đó, N và ông H đến quán cà phê (N không nhớ tên và địa chỉ) ở thị xã T, tỉnh Bắc Ninh gặp H. Tại đây, H đưa cho N 03 bộ hồ sơ của Việt kiều Mỹ (gồm: Nguyễn Thượng H- sinh năm 1978, quê gốc: số 151, đường Nguyễn Văn Đ, phường *, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Thị Cẩm T - sinh năm 1983, quê gốc ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Lê Thị Ánh N- sinh năm 1972, quê gốc ở tỉnh Quảng Ngãi) cùng 04 tờ Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô mang tên Phan Thị Trúc V, Nguyễn Thượng H, Nguyễn Thị Cẩm T và Lê Thị Ánh N đã được đánh máy sẵn, đồng thời H đưa cho N một gói quà bên trong có bánh kẹo và 01 chiếc phong bì và nói “Đây là quà cảm ơn của các Việt kiều cho Công an xã”, N cầm toàn bộ hồ sơ và gói quà H đưa cho rồi cùng ông H đi về.

Một ngày trong tháng 6/2012, N nhờ bà Đào Thị T- sinh năm 1952, trú tại thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (bà T là dì ruột của Mai Thế H và đang làm người giúp việc cho gia đình N) nhập hộ khẩu thường trú cho Việt kiều Nguyễn Thượng H vào sổ hộ khẩu của gia đình bà T, do nể N nên bà T đồng ý. Bà T gọi điện thoại cho H, bảo H: “N muốn nhờ nhập một nhân khẩu vào sổ hộ khẩu của dì, cháu xem thế nào giúp dì”, H nói với bà T: “Bảo N lên xem thế nào”. Sau đó, N gọi điện thoại cho H và nhờ H nhập hộ khẩu thường trú cho 03 Việt kiều vào xã Q và hẹn sáng hôm sau thì N lên nhà. Trước khi đến nhà H, N viết các thông tin của các Việt kiều vào phần còn trống của “Bản khai nhân khẩu”. Khoảng 10 giờ ngày hôm sau, N điều khiển xe ô tô chở bà T về nhà bà T để bà T lấy sổ hộ khẩu, sau đó N cùng bà T đến nhà H. Gặp H, bà T nói với H, “N nhờ dì nhập một khẩu vào nhà dì, cháu cố gắng giúp N”, H đồng ý. N đưa cho H 03 bộ hồ sơ xin nhập khẩu của Việt kiều, gồm hồ sơ mang tên Nguyễn Thượng H nhập khẩu vào sổ hộ khẩu của gia đình bà T và 02 bộ hồ sơ xin nhập khẩu của Việt kiều mang tên Nguyễn Thị Cẩm T, Lê Thị Ánh N cùng quyền Sổ hộ khẩu của gia đình bà T. Trong mỗi bộ hồ sơ N đưa cho H gồm có Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; Đơn đề nghị xác nhận hộ khẩu gốc; Bản khai nhân khẩu và bản sao hộ chiếu. Sau khi kiểm tra 03 bộ hồ sơ do N đưa cho, H đồng ý làm thủ tục nhập khẩu cho 03 trường hợp trên, sau đó N và bà T đi về nhà bà T.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H và N đến phòng làm việc của H tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T. Tại đây, H đã tự ý lấy Sổ hộ khẩu của gia đình anh Hoàng Phi Đ- sinh năm 1987 ở thôn C, xã Q, huyện T và Sổ hộ khẩu của gia đình bà Vũ Thị L- sinh năm 1945 ở thôn M, xã Q, huyện T đang nộp lưu tại xã để làm thủ tục nhập khẩu cho Việt kiều Nguyễn Thị Cẩm T và Lê Thị Ánh N. H ghi tên Việt kiều Nguyễn Thượng H- sinh năm 1978, quê gốc ở thành phố Hồ Chí Minh, hiện định cư ở Mỹ vào Sổ hộ khẩu của gia đình bà Đào Thị T, quan hệ với chủ hộ là ‘Cháu’, đề ngày 06/6/2012; Ghi tên Việt kiều Lê Thị Ánh N- sinh năm 1972, quê gốc ở Quảng Ngãi, hiện định cư ở Mỹ vào Sổ hộ khẩu của bà Vũ Thị L, quan hệ với chủ hộ là ‘Cháu’, đề ngày 13/6/2012; Ghi tên Việt kiều Nguyễn Thị Cẩm T-

sinh năm 1983, quê gốc ở Bà Rịa Vũng Tàu, hiện định cư ở Mỹ vào Sổ hộ khẩu của anh Hoàng Phi Đ, quan hệ với chủ hộ là “em”, đề ngày 13/6/2012.

Sau khi ghi tên các Việt kiều Mỹ vào Sổ hộ khẩu của gia đình bà Đào Thị T, bà Vũ Thị L và anh Hoàng Phi Đ xong, H đưa 03 quyển Sổ hộ khẩu của gia đình bà T, bà L và anh Đ cho Đào Gia M, bảo M ký tên, đóng dấu xác nhận vào mục “Trưởng Công an”. M ký tên “M” dưới mục “Trưởng Công an” và đóng dấu xác nhận xong thì M đưa ba quyển Sổ hộ khẩu này lại cho H. Sau khi làm thủ tục nhập khẩu xong, N có đưa cho H 04 tờ Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô tên Phan Thị T, Nguyễn Thượng H, Nguyễn Thị Cẩm T và Lê Thị Ánh N và bảo H xác nhận những Việt kiều có tên trên có hộ khẩu thường trú tại xã Q để họ xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô tại Cục Hải quan tỉnh L. H cầm 04 tờ đơn và ký tên xác nhận vào mục “Xác nhận của địa phương” rồi đóng dấu tròn của Công an xã Q và dấu chức danh “Trưởng Công an xã Q Mai Thế H” vào 04 tờ đơn đó. Sau đó, H đưa toàn bộ Sổ hộ khẩu và Đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô cho N. N cầm toàn bộ Sổ hộ khẩu và Đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô H đưa cho rồi đi đến nhà H. N mang túi quà bên trong đựng bánh kẹo và 01 chiếc phong bì có 6.000.000 đồng ở bên trong vào để ở bàn uống nước của gia đình H, sau đó N đi về. Buổi tối cùng ngày, khi đi làm về, H nhìn thấy gói quà để trên bàn uống nước nên đã bỏ gói quà ra xem thì thấy bên trong có bánh kẹo và một chiếc phong bì, H bóc chiếc phong bì ra thấy bên trong có 6.000.000 đồng, H biết đó là quà cảm ơn của N nên H đã cầm số tiền này. Đến chiều hôm sau, khi đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q làm việc, H đưa cho M số tiền 1.000.000 đồng và nói với M: “Đây là quà cảm ơn của N”.

Sáng hôm sau, N gọi điện thoại cho Lê Minh H đến nhà N, N đưa 03 quyển Sổ hộ khẩu của gia đình bà T, bà L, anh Đ và Đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô mang tên Phan Thị Trúc V, Nguyễn Thượng H, Nguyễn Thị Cẩm T và Lê Thị Ánh N cho H.

Sau khi làm thủ tục nhập hộ khẩu cho các Việt kiều mang tên Phan Thị Trúc V, Nguyễn Thượng H, Nguyễn Thị Cẩm T và Lê Thị Ánh N xong, đến ngày 20/6/2012 Mai Thế H nhận được Công văn số 1223/HQLS-GSQL của Cục Hải quan tỉnh L đề nghị Công an xã Q xác nhận hộ khẩu của các Việt kiều và cán bộ đăng ký hộ khẩu không ký vào sổ hộ khẩu. Ngày 22/6/2012, H đã ban hành Công văn số 04/BCA xác nhận: Việt kiều Phan Thị Trúc V, Nguyễn Thượng H, Nguyễn Thị Cẩm T và Lê Thị Ánh N đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có hồ sơ chứng minh Việt kiều Mỹ hồi hương về nước; Đồng chí Đào Gia M- Phó Trưởng Công an xã Q được phân công phụ trách mảng nhập hộ khẩu tại xã và được phép ký thay Trưởng Công an xã khi cấp Sổ hộ khẩu và không nhất thiết phải ký vào mục cán bộ đăng ký.

Lần thứ ba: Vào một ngày trong tháng 7/2012, Lê Minh H đến nhà N đưa cho N 03 bộ hồ sơ xin nhập khẩu cùng ba tờ Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô của 03 Việt kiều Mỹ mang tên Ngô Giang P- sinh năm 1985, quê gốc ở tỉnh Bà

Rịa- Vũng Tàu; Từ Phước M- sinh năm 1993, quê gốc ở thành phố Hồ Chí Minh; Nghiêm Thị Bích Đ- sinh năm 1967, quê gốc ở quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và một gói quà nói là quà các Việt kiều cảm ơn Công an xã, H bảo N làm thủ tục nhập khẩu cho các Việt kiều. Sau khi nhận hồ sơ của H, N viết các thông tin của các Việt kiều vào Bản khai nhân khẩu rồi gọi điện thoại cho H, hẹn H sáng hôm sau N lên nhà H nhờ H làm thủ tục nhập hộ khẩu cho 03 Việt kiều, H đồng ý. Sáng hôm sau, N rủ ông Trần Mạnh H: “Chú cháu mình đi nhập hộ khẩu cho các Việt kiều ở trên Bắc Giang cho thằng H”, ông H đồng ý và điều khiển xe ô tô của ông H chở N đến nhà H. Do có hẹn trước với N nên khi đi làm về H đã tự ý lấy 03 quyển Sổ hộ khẩu đang nộp tại Công an xã để cấp đổi sổ (gồm Sổ hộ khẩu của gia đình ông Phạm Văn L- sinh năm 1957 ở thôn M, xã Q, huyện T; bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1951 và ông Giáp Văn M- sinh năm 1957, đều ở thôn C, xã Q, huyện T) mang về nhà để làm thủ tục nhập hộ khẩu thường trú cho các Việt kiều mà N nhờ. Khoảng 11 giờ cùng ngày, N và ông H đến nhà H gặp H. Tại nhà H, N đưa cho H 03 bộ hồ sơ nhập khẩu mang tên Ngô Giang P, Nghiêm Thị Bích Đ và Từ Phước M. H cầm hồ sơ và viết các thông tin vào phần còn bỏ trống của Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu và ký tên Phạm Văn L, Nguyễn Thị L và Giáp Văn M vào mục “Ý kiến của chủ hộ”, sau đó H gọi điện thoại cho M đến nhà H để ký vào Sổ hộ khẩu. Khoảng 15 phút sau, M điều khiển xe mô tô đến nhà H, H cầm Sổ hộ khẩu sang nhà anh Mai Thế H (là em trai H và ở sát nhà H) làm thủ tục nhập khẩu, cụ thể: H ghi tên Việt kiều Ngô Giang P- sinh năm 1985, quê gốc: thành phố Hồ Chí Minh định cư ở Mỹ vào sổ hộ khẩu của gia đình ông Phạm Văn L- sinh năm 1957 ở thôn M, xã Q, huyện T, quan hệ với chủ hộ là “Cháu”, đề ngày 27/7/2012; Ghi tên Việt kiều Từ Phước M- sinh năm 1993, quê gốc: thành phố Hồ Chí Minh hiện định ở Mỹ vào sổ hộ khẩu của gia đình bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1951 ở thôn C, xã Q, huyện T, quan hệ với chủ hộ là “Cháu”, đề ngày 24/7/2012; Ghi tên Việt kiều Nghiêm Thị Bích Đ- sinh năm 1967, quê gốc: quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh vào sổ hộ khẩu của gia đình ông Giáp Văn M- sinh năm 1957 ở thôn C, xã Q, huyện T, quan hệ với chủ hộ là “Cháu”, đề ngày 25/7/2012.

Sau khi ghi tên các Việt kiều Ngô Giang P, Từ Phước M và Nghiêm Thị Bích Đ vào trong Sổ hộ khẩu của gia đình ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L và ông Giáp Văn M xong, H ký tên H dưới mục “Trưởng Công an” rồi đưa 03 quyển Sổ hộ khẩu này cho M, bảo M ký xác nhận dưới mục “Cán bộ đăng ký”, M ký tên M và ghi rõ họ tên “Đào Gia M” dưới mục “Cán bộ đăng ký”. Sau khi ký xong, H và M về nhà H, sau đó N mời H và M đi ăn cơm trưa. H cầm hồ sơ nhập khẩu của các Việt kiều cùng M đi xe mô tô, còn ông H và N đi xe ô tô ra thị trấn N, huyện T ăn cơm. Khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm trưa xong, H, N và ông H đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q. Đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, ông H ngồi trong xe ô tô chờ, còn N và H vào phòng làm việc của H. H lấy dấu tròn của Công an xã Q đóng dưới mục “Trưởng công an xã” và đóng dấu chức danh “Trưởng Công an xã Mai Thế H” vào trang vừa ghi tên các Việt kiều trong Sổ hộ khẩu. Sau khi H đóng

dấu xong, N lại tiếp tục đưa cho H 03 Đơn xin cấp phép nhập khẩu ô tô mang tên Ngô Giang P, Từ Phước M và Nghiêm Thị Bích Đ đã được đánh máy sẵn bảo H ký xác nhận. H cầm 03 Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô ký tên và đóng dấu xác nhận của Công an xã Q dưới mục “Xác nhận địa phương” rồi đưa toàn bộ 03 quyển Sổ hộ khẩu và Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô cho N. N và ông H đi xe ô tô đến nhà H để lại gói quà rồi đi về. 03 quyển Sổ hộ khẩu và Đơn xin cấp phép nhập khẩu này, N đưa cho Lê Minh H. Buổi tối cùng ngày, H đi làm về thấy túi quà ở trên bàn, biết là quà cảm ơn của N nên mở ra xem thì thấy có bánh kẹo và một chiếc phong bì. H mở phong bì ra thấy bên trong phong bì có số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền này H đã đưa cho M 1.000.000 đồng và nói cho M biết đó là quà cảm ơn của N về việc nhập hộ khẩu. Số tiền còn lại H chi tiêu hết.

Tại Cơ quan điều tra H, M và N đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. (BL: 140-206; 207-227; 261-336)

- Ngày 28/02/2013, Mai Thế H đã tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang 07 bộ hồ sơ nhập khẩu thường trú của 07 Việt kiều Mỹ, bao gồm các giấy tờ sau:

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu đề ngày 04/6/2012 được viết tay theo mẫu. Tại mục ý kiến của chủ hộ có chữ ký và chữ viết mang tên “Trần Hoàng H”: tại mục người viết phiếu báo có chữ ký và chữ viết mang tên “Phan Thị Trúc V”.

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu viết tay theo mẫu HK02 ban hành theo TT số 81/2011/TT-BCA ngày 15/12/2011 đề ngày 04/6/2012, tại mục ý kiến của chủ hộ có chữ ký và chữ viết mang tên “Trần Hoàng H”; tại mục người viết phiếu báo có chữ ký và chữ viết mang tên Phan Thị Trúc V.

- Bản sao hộ chiếu (passport) số N1612473 mang tên Phan Thị Trúc V- sinh ngày 15/6/1964 có đóng dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính số 8513 ngày 29/5/2012 do Phòng Tư pháp quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giấy đề nghị xác nhận hộ khẩu gốc đề ngày 07/5/2012, tại mục người đề nghị có chữ ký, chữ viết mang tên “Phan Thị Trúc V”, tại mặt sau xác nhận hộ khẩu gốc có đóng dấu tròn đỏ tên Công an quận T, thành phố Hồ Chí Minh trên chữ ký đóng dấu chức danh “Thượng tá Trần Văn T”.

- Bản khai nhân khẩu được viết tay theo mẫu đề ngày 02/6/2012, tại mục “Người khai hoặc người viết hộ” có chữ ký, chữ viết mang tên Phan Thị Trúc V.

- 02 tờ phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu được viết tay theo mẫu đánh sẵn đề ngày 07/6/2012, tại mục ý kiến chủ hộ có chữ ký “T”; tại mục người viết phiếu báo có chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thượng H.

- Bản sao hộ chiếu (passport) số N1198873 mang tên Nguyễn Thượng H- sinh ngày 19/6/1978 có đóng dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính của Phòng Tư pháp thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Đơn xin xác nhận hộ khẩu được viết tay bằng bút mực màu xanh đề ngày 02/6/2012, ký tên người viết “Nguyễn Thượng H”, tại mục xác nhận có đóng dấu tròn đỏ tên Công an Phường 5, quận B, thành phố Hồ Chí Minh trên chữ ký đóng dấu chức danh “Trung tá Bùi Văn H”

- Bản khai nhân khẩu viết tay theo mẫu đề ngày 11/6/2012, tại mục người khai hoặc người viết hộ có chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thượng H.

- 02 Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu đề ngày 12/6/2012 được viết tay theo mẫu, tại mục ý kiến của chủ hộ có chữ ký tên “L”, tại mục người viết phiếu báo có chữ ký, chữ viết tên “Lê Thị Ánh N”.

- Bản sao hộ chiếu (passport) số N1486728 mang tên Lê Thị Ánh N- sinh năm 1972 có đóng dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính của Phòng Tư pháp quận 1*, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản khai nhân khẩu được viết tay theo mẫu đề ngày 12/6/2012, tại mục người khai hoặc người viết hộ có chữ ký, chữ viết tên “Lê Thị Ánh N”.

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu được viết tay theo mẫu, đề ngày 11/6/2012, tại mục người viết phiếu báo có chữ ký, chữ viết tên “Nguyễn Thị Cẩm T”.

- Bản sao hộ chiếu (passport) số N1608325 mang tên Nguyễn Thị Cẩm T- sinh năm 1983 có đóng dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính của Phòng Tư pháp quận 1*, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản khai nhân khẩu đề ngày 11/6/2012, tại mục người khai hoặc người viết hộ có chữ ký, chữ viết tên “Nguyễn Thị Cẩm T”.

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu đề ngày 25/7/2012, tại mục người viết phiếu báo có chữ viết Phạm Văn L.

- Bản khai nhân khẩu đề tháng 7/2012, tại mục người khai hoặc người viết hộ có chữ ký, chữ viết tên Ngô Giang P.

- Bản sao hộ chiếu (passport) số N1516494 mang tên Ngô Giang P- sinh năm 1985 có đóng dấu chứng thực sao đúng với bản chính của Ủy ban nhân dân phường 1*, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu đề ngày 25/7/2012, tại mục người viết phiếu báo có chữ ký tên “L”.

- Giấy đề nghị xác nhận hộ khẩu gốc đề ngày 03/7/2012 của Từ Phước M có chữ ký, đóng dấu tròn đỏ tên Công an quận 1*, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản sao hộ chiếu (passport) số N1486607 mang tên Từ Phước M- sinh năm 1993 có đóng dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính của Phòng Tư pháp quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản khai nhân khẩu đề ngày 26/7/2012, tại mục người khai hoặc người viết hộ có chữ ký, chữ viết tên “Từ Phước M”

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu đề ngày 25/7/2012 của Giáp Văn M.

- Bản khai nhân khẩu đề ngày 26/7/2012, tại mục người khai hoặc người viết hộ có chữ ký, chữ viết tên Nghiêm Thị Bích Đ.

- Giấy đề nghị xác nhận hộ khẩu gốc của Nguyễn Thị T đề ngày 10/5/2012 và có chữ ký đóng dấu tròn đỏ Công an quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản sao hộ chiếu (passprt) số N1564201 mang tên Nghiêm Thị Bích Đ- sinh năm 1967 có đóng dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính của Phòng Tư pháp quận **, thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 1223/HQLS-GSQL ngày 20/6/2012 của Cục Hải quan tỉnh L gửi Công an xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang về việc xác minh hộ khẩu thường trú, kèm theo 09 tờ tài liệu phô tô những Sổ hộ khẩu mà Cục Hải quan L đề nghị Công an xã Q xác minh theo nội dung công văn.

Tất cả các tài liệu Mai Thế H giao nộp đều được H ghi ngày 28/2/2013 và ký họ tên bằng bút mực màu xanh. (BL: 527-530)

Ngày 26/8/2015, Cục Hải quan tỉnh L đã cung cấp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang 07 đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô gốc mang tên Từ Phước M, Nguyễn Thượng H, Phan Thị Trúc V, Lê Thị Ánh N, Nguyễn Thị Cẩm T, Ngô Giang P, Nghiêm Thị Bích Đ và Công văn số 04BCA ngày 22/6/2012 của Công an xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 24/8/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã thu thập mẫu dấu của Công an xã Q.

Ngày 20/7/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết trên các “Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu” mang tên Trần Hoàng H, Đào Thị T, Nguyễn Thị Cẩm T, Lê Thị Ánh N, Giáp Văn M, Nguyễn Thị L và Phạm Văn L với chữ viết của Mai Thế H có phải do cùng một người viết ra hay không?

Tại Kết luận giám định số 812/KL-PC54 ngày 22/7/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

“5.1. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 (Trừ chữ viết dưới mục “*Người viết phiếu báo*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1) so với chữ viết của Mai Thế H trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

5.2 Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A5, A6, A7 so với chữ viết của Mai Thế H trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người viết ra.” (BL: 46)

Ngày 04/8/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang trưng cầu giám định chữ viết trên các “Bản khai nhân khẩu” với chữ viết của Trần Văn N có phải do cùng một người viết ra hay không?

Tại kết luận giám định số 895/KL-PC54 ngày 10/8/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

“ Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A7 so với chữ viết của Trần Văn N trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.” (BL: 47)

Ngày 26/8/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang trưng cầu giám định chữ ký tại mục “Xác nhận địa phương” trên các “Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô” và chữ ký tại mục “T/M trưởng Công an xã” trên Công văn số 04 BCA ngày 22/6/2012 với chữ viết, chữ ký của Mai Thế H có phải cùng một người viết ra không? Hình dấu tròn trên các “Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô” và trên Công văn số 04 BCA ngày 22/6/2012 có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không?

Tại kết luận số 972/KL-PC54 ngày 03/9/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

“- Chữ viết tên Mai Thế H trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A8) so với chữ ký của Mai Thế H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn mang tên “Công an H. T -T. Bắc Giang- Công an xã Q” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A8) so với hình dấu tròn của Công an xã Q trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 là do cùng một con dấu đóng ra.” (BL: 48)

Sau khi H và M hoàn tất thủ tục nhập khẩu thường trú cho 07 Việt kiều Nguyễn Thượng H, Phan Thị Trúc V, Nguyễn Thị Cẩm T, Lê Thị Ánh N, Ngô Giang P, Từ Phước M, Nghiêm Thị Bích Đ tại xã Q để hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép nhập khẩu 07 chiếc xe ô tô theo diện tài sản di chuyển của Việt kiều hồi hương tại Cục Hải quan tỉnh L và đã được Cục Hải quan tỉnh L cấp 07 giấy phép xuất nhập hàng phi mậu dịch theo 07 hồ sơ nhập khẩu thường trú vào xã Q. 07 xe ô tô trên đã được mở tờ khai nhập khẩu, thông quan vào Việt Nam, trong đó có 06 xe ô tô đứng tên các Việt kiều Nguyễn Thị Cẩm T, Lê Thị Ánh N, Từ Phước M, Nghiêm Thị Bích Đ, Phan Thị Trúc V và Ngô Giang P được mở tờ khai nhập khẩu, nộp thuế và thông quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu H khu vực III do Nguyễn Vạn T- sinh năm 1968 ở Số 3, phố Đ, phường M, quận N, thành phố H tiến hành hoàn tất các thủ tục nhập khẩu và thông quan xe ô tô theo Giấy ủy quyền của 6 Việt kiều trên; 01 xe ô tô đứng tên Nguyễn Thượng H được mở tờ khai nhập khẩu, nộp thuế và thông quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S Khu vực I, cụ thể:

Việt kiều Phan Thị Trúc V được phép nhập xe ô tô 5 chỗ nhãn hiệu TOYOTA CAMRY LE, sản xuất năm 2012, số khung 4T4BF1FK2CR217***; số máy 2ARD740***, thông quan qua cảng H ngày 30/6/2012. Hiện đăng ký biển kiểm soát 34A-030.**, chủ xe: Nguyễn Thị Lệ H ở C - thị trấn K- Hải Dương.

Việt kiều Nguyễn Thị Cẩm T được phép nhập khẩu 01 chiếc xe ô tô 5 chỗ nhãn hiệu TOYOTA CAMRY LE sản xuất năm 2012. Số khung 4T1BF1FK9CU568***, số máy 2ARD725***, thông quan qua cảng H ngày 30/6/2012, hiện đăng ký biển kiểm soát 19A-012.**, chủ xe: Phùng Đức Q ở N-phường A- thị xã P - Phú Thọ.

Việt kiều Lê Thị Ánh N được nhập khẩu 01 chiếc xe ô tô 5 chỗ nhãn hiệu TOYOTA CAMRY LE sản xuất năm 2012. Số khung 4T1BF1FK1CU568***, số máy 2ARD725***, thông quan qua cảng H ngày 30/6/2012, hiện đăng ký biển kiểm soát 74A-014.**, chủ xe: Phạm Văn D ở A 3- thị trấn C- Vĩnh Linh.

Việt kiều Ngô Giang P được phép nhập khẩu 01 chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu TOYOTA highlander sản xuất năm 2012. Số khung 5TDZA3EH1CS025***, số máy 1ARM090***, thông quan qua cảng H ngày 23/8/2012, hiện không tìm thấy trên dữ liệu tra cứu nên không xác định được chủ sở hữu.

Việt kiều Nghiêm Thị Bích Đ được phép nhập khẩu 01 chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu TOYOTA highlander sản xuất năm 2012. Số khung TDZA3EH5CS028***, số máy 1ARM167***, thông quan qua cảng H ngày 31/8/2012, hiện đăng ký biển kiểm soát 30A-588.**, chủ xe: Trần Quang H ở 2/8 đường L- phường T- quận B- Hà Nội.

Việt kiều Từ Phước M được phép nhập khẩu 01 chiếc xe ô tô 5 chỗ nhãn hiệu LEXUSRX 350 sản xuất năm 2013. Số khung JTJBKIBA4D2451***, số máy J583***, thông quan qua cảng H ngày 09/8/2012, hiện đăng ký biển kiểm soát 29A-587.**, chủ xe: Trần Văn N ở ĐVCQKII- 21 K- phường K- Hà Nội.

Việt Kiều Nguyễn Thượng H được phép nhập khẩu về Việt Nam 01 chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu TOYOTA highlander sản xuất năm 2012. Số khung 5TDZ3EH1CS026***, số máy 1ARM127***, thông quan qua cảng C, thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/7/2012, hiện đăng ký biển kiểm soát 14A-046.**, chủ xe: Nguyễn Văn M ở khu 3- H- M- Quảng Ninh.

Hành vi nhập hộ khẩu thường trú không đúng quy định của các bị can H, M và N để hoàn thiện hồ sơ nhập khẩu 07 chiếc xe ô tô trên theo hình thức phi mậu dịch đã trốn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền 8.592.632.102 đồng (tám tỷ năm trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn một trăm linh hai đồng).

Theo lời khai Trần Văn N thì việc N nhờ H nhập hộ khẩu thường trú không đúng quy định cho 07 trường hợp Việt kiều nêu trên là vì tình cảm họ hàng nên N

làm giúp Trần Mạnh C, N không được C hứa hẹn và hưởng lợi nhuận gì; Lần thứ 2, khi làm thủ tục nhập khẩu cho các Việt kiều, ông Trần Mạnh H đi cùng với N đến quán cà phê ở thị xã T, tỉnh Bắc Ninh lấy 03 bộ hồ sơ mang tên Nguyễn Thượng H, Nguyễn Thị Cẩm T và Lê Thị Ánh N cùng 04 tờ Đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô mang tên Phan Thị Trúc V, Nguyễn Thượng H, Nguyễn Thị Cẩm T và Lê Thị Ánh N, sau đó ông H đi cùng N và bà T đến nhà H gặp H để làm thủ tục nhập khẩu cho các Việt kiều. Tuy nhiên ông Trần Mạnh H không thừa nhận việc cùng với Ng đi làm thủ tục nhập khẩu cho các Việt kiều lần nào. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho N và ông H đối chất nhưng không có kết quả. Mặt khác, bà T và H khai nhận trong tháng 6/2012 bà T chỉ đi cùng với N về gặp H ngoài ra bà không đi cùng với ai khác. H và M đều khẳng định ông H đi cùng với N đến gặp H làm thủ tục nhập khẩu 01 lần trong tháng 7/2012. Như vậy việc N khai trong tháng 6/2012, ông H cùng đi với N lên Bắc Giang gặp H làm thủ tục nhập khẩu là không có căn cứ.

Tại cơ quan điều tra, Mai Thế H thừa nhận khi được N nhờ nhập khẩu thường trú cho các Việt kiều vì tình cảm, nể nang nên H đã hoàn thiện lập hồ sơ nhập hộ khẩu thường trú không đúng quy định cho 07 Việt kiều vào xã Q mà không được N cho biết việc nhập hộ khẩu thường trú cho các Việt kiều để nhằm mục đích nhập khẩu xe ô tô theo chế độ phi mậu dịch theo diện tài sản di rời của Việt kiều hồi hương nhằm mục đích trốn thuế.

Quá trình điều tra, Nguyễn Vạn T khai nhận trong năm 2012 khi đang làm dịch vụ hồ sơ mở tờ khai tại khu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng H Khu vực III thì có một người đàn ông tên là D (T không biết họ tên và địa chỉ ở đâu) thuê T làm các thủ tục mở tờ khai thông quan 06 chiếc xe ô tô cho Việt kiều hồi hương về nước, mỗi chiếc xe ô tô D trả cho T 500.000 đồng, T yêu cầu D cung cấp hồ sơ và làm thủ tục ủy quyền cho T, toàn bộ tiền thuế và phí liên quan đến việc nhập xe ô tô đều do D chi phí. Việc hoàn thiện hồ sơ nhập khẩu xe ô tô cho các Việt kiều hồi hương như thế nào T không được D hay bất kỳ ai trao đổi thỏa thuận gì, T không biết việc nhập khẩu những chiếc xe ô tô trên nhằm trốn thuế nên cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với T.

Sổ hộ khẩu của gia đình anh Trần Hoàng H, Trần Văn N khai đã đưa trả cho anh H nhưng anh H không thừa nhận là N đã trả lại Sổ hộ khẩu cho anh; 06 Sổ hộ khẩu còn lại, N đã đưa cho bà T nhờ bà T mang về trả cho H nhưng bà T quên không đưa trả cho H, đến nay bà T không nhớ để ở đâu và không tìm thấy những Sổ hộ khẩu này nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với anh Trần Hoàng H và bà Đào Thị T, khi được N nhờ nhập hộ khẩu thì bà T và anh H đều biết các Việt kiều trên không có chỗ ở tại địa phương và không trực tiếp đến làm thủ tục nhập khẩu nhưng do nể N nên bà T và anh H đã đồng ý cho N nhập hộ khẩu cho các Việt kiều vào Sổ hộ khẩu của gia đình mình. Bà T và anh H không biết mục đích nhập hộ khẩu thường trú để nhập khẩu xe ô tô từ Mỹ về Việt Nam và không được N cho bất cứ lợi ích vật chất nào nên hành vi của bà T và

anh H không cấu thành tội phạm mà là hành vi vi phạm hành chính, tuy nhiên thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đến nay đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng Lê Minh H, Trần Mạnh C, Nguyễn Thượng H, Phan Thị Trúc V, Lê Thị Ánh N, Nguyễn Thị Cẩm T, Từ Phước M, Ngô Giang P và Nghiêm Thị Bích Đ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an xác định Lê Minh H, Trần Mạnh C, Nguyễn Thượng H, Phan Thị Trúc V, Lê Thị Ánh N, Nguyễn Thị Cẩm T, Từ Phước M, Ngô Giang P và Nghiêm Thị Bích Đ đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã tách phần tài liệu liên quan đến các đối tượng trên ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ xem xét xử lý sau.

Việc Cục Hải quan tỉnh L, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng H khu vực III thuộc Cục Hải quan thành phố H và Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép nhập khẩu mở tờ khai và thông quan đối với 07 chiếc xe ô tô trên đúng quy định nên không vi phạm pháp luật.

Đối với đối tượng tên là D theo lời khai của T là người đã thuê T làm thủ tục mở tờ khai và thông quan 06 chiếc xe ô tô tại cửa khẩu cảng H khu vực III nhưng do T không biết họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Việc ông Trần Mạnh H đi cùng với N đến nhà H làm thủ tục nhập khẩu cho các Việt kiều, tuy nhiên N không nói cho ông H biết thủ tục nhập hộ khẩu như thế nào, ông H không được N, H và M bàn bạc trao đổi bất kỳ nội dung gì về việc nhập hộ khẩu, không được N hứa hẹn cho bất cứ lợi ích nào nên ông H không vi phạm pháp luật.

Chiếc xe ô tô N sử dụng làm phương tiện đi đến gặp H để làm thủ tục nhập hộ khẩu cho các Việt kiều, N khai là do N mượn của ông Trần Anh D- sinh năm 1958 ở khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Chiếc xe này được xác định là của anh Trần Mạnh M -sinh năm 1974 ở ở khu Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (là em ruột ông Trần Anh D), anh M đã bán chiếc xe ô tô trên. Khi cho N mượn xe, ông D và anh M đều không biết N sử dụng chiếc xe trên để đi làm thủ tục nhập hộ khẩu cho các Việt kiều.

Đối với những chiếc xe mô tô H và M sử dụng đi lại trong quá trình làm thủ tục nhập khẩu, H và M đã bán từ cuối năm 2012, do thời gian lâu nên H và M không nhớ là đã bán cho ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được những chiếc xe mô tô trên.

Những chiếc điện thoại H, M và N sử dụng liên lạc với nhau khi phạm tội, các bị can đều khai trong quá trình sử dụng những chiếc điện thoại này đã bị hỏng nên

các bị can đã vứt đi và không nhớ được đã vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được những chiếc điện thoại này.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang các bị can Mai Thế H, Trần Văn N, Đào Gia M đã khai nhận rõ hành vi phạm tội.

Cáo trạng số: 01/KSĐT, ngày 06/01/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố: Mai Thế H, Trần Văn N, Đào Gia M về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 284- BLHS.

Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 30/3/2017 của TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Mai Thế H, Trần Văn N, Đào Gia M phạm tội “Giả mạo trong công tác”

- Áp dụng điểm c, khoản 2, khoản 5, Điều 284; điểm q, khoản 1, Điều 46, Điều 20; Điều 53; Điều 33- BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn N 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn N 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn xử phạt các bị cáo Mai Thế H 03 năm tù, Đào Gia M 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng hình phạt bổ sung, giải quyết xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 07/4/2017 bị cáo Trần Văn N nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: đề nghị xem xét lại quy trình tố tụng của vụ án; giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo bằng các bị cáo khác trong vụ án vì chỉ là đồng phạm giúp sức; hủy bản án sơ thẩm vì một hành vi phạm tội cùng thời điểm mà bị hai lần xét xử tại TAND tỉnh Bắc Ninh và TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn N thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ đề nghị HĐXX xem xét quá trình điều tra có vi phạm tố tụng cùng một hành vi bị cáo bị xét xử ở hai địa phương, có người nước ngoài tham gia vụ án thì phải thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử của cấp tỉnh. Những vi phạm trên gây bất lợi cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo cũng đề nghị HĐXX trong quá trình xét xử xem xét sự công bằng giữa các bị cáo trong vấn đề hình phạt.

Về hành vi nhập hộ khẩu cho 7 đối tượng Việt kiều thì bị cáo đã thành khẩn khai nhận rõ từ giai đoạn ở Công an Bắc Ninh, sau đó chuyển về Công an Bắc Giang bị cáo vẫn khai báo như vậy, không thắc mắc gì. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã có kết luận về việc nhập hộ khẩu cho 7 đối tượng Việt kiều này nhưng không hiểu sao VKSND tỉnh Bắc Ninh lại không truy tố, TAND tỉnh Bắc Ninh lại không xét xử 7 hành vi ở địa bàn Bắc Giang. Bị cáo đã kháng cáo bản án

sơ thẩm do TAND tỉnh Bắc Ninh xét xử, TAND Cấp Cao đang xem xét chưa xử phúc thẩm. Đề nghị HĐXX xem xét đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp trong thời hạn quy định 15 ngày sau khi xét xử nên là đơn kháng cáo hợp pháp, đề nghị HĐXX xem xét theo trình tự phúc thẩm. Việc điều tra, truy tố và xét xử của cấp sơ thẩm đối với bị cáo là đúng quy định tại Điều 110, Điều 170- Bộ luật tố tụng Hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Tại quá trình xét xử phúc thẩm người kháng cáo không có tình tiết nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 248- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của người bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 30/3/2017 của TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Luật sư trình bày quan điểm: Đại diện VKS chưa làm sáng tỏ những vi phạm thiếu sót trong quá trình tố tụng, cụ thể:

+ Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã vi phạm quyền lợi của bị cáo là “không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm” được quy định trong điểm 3, Điều 31- Hiến pháp 2013.

+ Có dấu hiệu nước ngoài trong vụ án nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện.

+ Quá trình giải quyết Công an tỉnh Bắc Ninh và Công an tỉnh Bắc Giang có nhiều văn bản trao đổi về hành vi của bị cáo N, về tài liệu do Công an tỉnh Y chuyển đến Công an tỉnh Bắc Ninh, về việc nhập 7 hành vi của N về Công an tỉnh Bắc Ninh để giải quyết. Vụ án còn có dấu hiệu bỏ lọt người thực hiện hành vi phạm tội trong đó có ông Trần Mạnh H. Công an tỉnh Bắc Giang biết việc điều tra có vi phạm tố tụng nên đã có công văn gửi VKSND và TAND tỉnh Bắc Ninh đề nghị tạm dừng xét xử để xem xét nhập vụ án, chuyển 7 hành vi của bị cáo N thực hiện ở địa bàn Bắc Giang nhập vào vụ án ở Bắc Ninh để xét xử nhằm đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. Việc Công an tỉnh Bắc Ninh chuyển hồ sơ tài liệu vụ án cho Công an tỉnh Bắc Giang là vi phạm Điều 116- Bộ luật tố tụng Hình sự, việc chuyển hồ sơ phải do VKSND tỉnh Bắc Giang ra quyết định chuyển vụ án, nếu hồ sơ không có quyết định này là vi phạm.

- Bị cáo N nhất trí quan điểm của Luật sư, không có ý kiến gì tranh luận.

- Đại diện VKS đối đáp: Về thẩm quyền điều tra là đúng quy định tại Điều 111 và thẩm quyền xét xử theo Điều 171 của BLTTHS. Quá trình điều tra kết thúc PC 46 Công an tỉnh Bắc Giang và VKSND tỉnh Bắc Giang chuyển hồ sơ vụ án, ủy quyền cho các cơ quan tố tụng huyện T giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng. Về

các công văn trao đổi giữa hai cơ quan điều tra là trao đổi thông tin về việc giải quyết vụ án, mặc dù có vi phạm nhưng không nghiêm trọng, nếu có sai sót thì do cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh vi phạm.

- Luật sư nêu quan điểm: Luật sư đồng tình với quan điểm của đại diện VKS về việc thừa nhận có vi phạm sai sót trong việc chuyển vụ án. Về thẩm quyền xét xử không nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo trình bày: Đại diện VKS đã thừa nhận là cơ quan điều tra chuyển hồ sơ vụ án là sai mà Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang vẫn chấp nhận cái sai đó gây ra bất lợi cho bị cáo trong quá trình xét xử. Từ đó cũng làm cho việc xét xử của bị cáo không công bằng với các bị cáo khác trong vụ án.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX xem xét lại quá trình tố tụng có vi phạm để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang ngày 03/4/2017 theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2, Điều 245- Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn N: Trong năm 2012, Trần Mạnh C (là họ hàng với Trần Văn N) đặt vấn đề nhờ N làm thủ tục nhập hộ khẩu thường trú tại Việt Nam cho các Việt kiều Mỹ (là bạn của C), mọi thông tin, giấy tờ của các Việt kiều sẽ do Lê Minh H cung cấp, N đồng ý. N nhờ bà Đào Thị T (là dì ruột của Mai Thế H) làm quen và nhờ Mai Thế H là Trưởng Công an xã Q, huyện T nhập hộ khẩu thường trú trái phép. Lê Minh H đã đưa cho Trần Văn N 07 bộ hồ sơ của các Việt kiều để Mai Thế H là Trưởng Công an xã Q và Đào Gia M là Phó Công an xã Q nhập hộ khẩu trái phép cho 07 Việt Kiều không phải là người có hộ

khẩu gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, không có chỗ ở, không sinh sống và làm việc tại tỉnh Bắc Giang, không trực tiếp đến Công an xã Q, huyện T vào địa bàn xã Q và H đã ký Đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, cấp giấy tờ giả để hoàn thiện hồ sơ nhập khẩu 07 chiếc xe ô tô theo hình thức phi mậu dịch đã trốn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền 8.592.632.102 đồng và không ghi vào hồ sơ nhập hộ khẩu gốc tại Công an xã Q. Các bị cáo H, N, M đã thực hiện hành vi nhập hộ khẩu trái phép như đã nêu trên nhiều lần với nhiều đối tượng khác nhau. Từ nội dung trên, án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn N cùng các bị cáo Mai Thế H, Đào Gia M về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 284 BLHS.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Văn N, HĐXX thấy:

- Về quan điểm hủy án sơ thẩm: Bị cáo N và Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để nhập vụ án ở Bắc Ninh và Bắc Giang làm một để xử lý có lợi cho bị cáo vì tính chất hành vi phạm tội của bị cáo tại hai địa phương vẫn là một. HĐXX xét thấy bị cáo N bị xét xử về hành vi đồng phạm với bị cáo H, M là người có chức vụ, quyền hạn, là chủ thể của tội “Giả mạo trong công tác”. Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn xã Q, huyện T và hành vi phạm tội này của các bị cáo H, M, N nay mới được khởi tố, truy tố và xét xử. Quá trình điều tra, CQĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã chuyển tài liệu liên quan hành vi của bị cáo N đến CQĐT Công an tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng không có sự vi phạm tố tụng về thẩm quyền. Việc CQĐT Công an tỉnh Bắc Ninh khởi tố vụ án số 08 ngày 26/8/2014 là đối với hành vi phạm tội “Giả mạo trong công tác” xảy ra trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình điều tra bị cáo N có khai ra hành vi phạm tội ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên việc hai cơ quan điều tra phối hợp với nhau cung cấp thông tin và chuyển tài liệu có liên quan để cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang giải quyết theo thẩm quyền là đúng, không có gì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng tại Điều 116- BLTTHS như quan điểm của Luật sư nêu. Bởi vì không phải CQĐT Công an tỉnh Bắc Ninh chuyển hồ sơ vụ án đã thụ lý số 08 ngày 26/8/2014 cho CQĐT Công an tỉnh Bắc Giang giải quyết. Mặt khác, ngày 22/9/2015 TAND tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và ra Bản án số 42/2015/HSST đối với bị cáo N, quá trình xét xử không xét xử hành vi nhập hộ khẩu cho 7 đối tượng Việt Kiều ở địa bàn huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do đó quan điểm đề nghị của bị cáo N và Luật sư là không có căn cứ chấp nhận.

- Về hình phạt đối với bị cáo không công bằng so với các bị cáo khác, HĐXX thấy các bị cáo trong vụ án có vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác nhau nên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã đánh giá là phù hợp. Việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo còn phải căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 2, Nghị Quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo trong vụ án cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Về quan điểm “không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm” theo điểm 3, Điều 31-Hiến pháp năm 2013, HĐXX thấy: Cùng là một hành vi “Giả mạo trong công tác” nhưng bị cáo thực hiện ở nhiều địa phương cấp tỉnh khác nhau có thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ khác nhau. Không có việc cùng một hành vi nhập hộ khẩu cho một đối tượng Việt kiều cụ thể lại bị xét xử ở cả hai địa phương Bắc Ninh và Bắc Giang. Vì vậy việc các cơ quan tố tụng tiến hành điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo là không vi phạm quyền của bị cáo.

- Về thẩm quyền giải quyết không phải của cấp huyện do có dấu hiệu nước ngoài tham gia tố tụng, HĐXX thấy rằng: Trong vụ án này cơ quan tố tụng không triệu tập đối tượng người nước ngoài tham gia tố tụng mà các tài liệu liên quan đến Việt Kiều đã được tách ra xem xét xử lý bằng vụ án khác. Vụ án không có hành vi phạm tội xảy ra ở nước ngoài. Các bị cáo đã lợi dụng, giả mạo tài liệu mang tên của Việt Kiều để trực tiếp nhập hộ khẩu chứ không phải các Việt Kiều trực tiếp về nhập hộ khẩu, tham gia vào việc giả mạo giấy tờ, cũng không tham gia tố tụng. Do đó không có vi phạm về thẩm quyền xét xử có dấu hiệu nước ngoài theo Điều 171-BLTTHS.

- Về quan điểm bỏ lọt người thực hiện hành vi phạm tội: Cơ quan điều tra đã xem xét nhưng tài liệu điều tra thu thập được không đủ căn cứ chứng minh ông Trần Mạnh H có hành vi đồng phạm với bị cáo nên cấp sơ thẩm không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự ông H là đúng.

Từ những nội dung trên HĐXX thấy rằng án sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn N cùng Mai Thế H, Đào Gia M về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 284- BLHS là đúng thẩm quyền, có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai, không bỏ lọt người thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên căn cứ quy định tại Điều 99- BLTTHS; điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 248 -Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

-Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

-Về hình phạt: Áp dụng điểm c, khoản 2, khoản 5, Điều 284; điểm q, khoản 1, Điều 46, Điều 20; Điều 53; Điều 33- BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn N 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 99- BLTTHS; điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

